

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á  
TẦNG 2 - 14 LÁNG HẠ - PHƯỜNG THÀNH CÔNG - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## QUÝ III NĂM 2013

**Báo cáo bao gồm:**

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (PP gián tiếp);
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu;
- Thuyết minh báo cáo tài chính;
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận.

*Hà Nội, tháng 10 năm 2013*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Đơn vị tính: VNĐ	
		30/09/2013	01/01/2013
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>622.630.884.689</b>	<b>1.044.131.403.332</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>29.723.863.882</b>	<b>41.774.438.572</b>
1. Tiền	111	29.723.863.882	41.774.438.572
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>23.187.996.572</b>	<b>20.697.220.437</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	28.330.939.932	25.840.163.797
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	(5.142.943.360)	(5.142.943.360)
3. Đầu tư ngắn hạn khác		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>568.014.787.870</b>	<b>980.385.022.331</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	-	16.500.000
2. Trả trước cho người bán	132	84.264.285	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	563.120.121.442	983.514.988.982
5. Các khoản phải thu khác	138	8.017.899.198	4.439.456.402
- Phải thu BHXH (3383)	13F	-	-
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	139	(3.207.497.055)	(7.585.923.053)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>15.008.382</b>	<b>15.008.382</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>1.689.227.983</b>	<b>1.259.713.610</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.305.414.488	980.406.364
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.675.270	7.533.881
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	378.138.225	271.773.365
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	<b>113.083.351.014</b>	<b>123.813.505.370</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>9.154.104.967</b>	<b>11.382.801.855</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	2.321.321.774	3.485.347.038
- Nguyên giá	222	6.419.242.407	7.818.304.176
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(4.097.920.633)	(4.332.957.138)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.832.783.193	7.897.454.817
- Nguyên giá	228	9.618.128.747	9.838.465.107
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(2.785.345.554)	(1.941.010.290)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230	-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>96.495.920.638</b>	<b>76.729.768.638</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	96.495.920.638	76.729.768.638
4. Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)	259	-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>7.433.325.409</b>	<b>35.700.934.877</b>

*Handwritten signature*

202 -  
 CÔNG TY  
 PHÂN  
 NG KHO  
 NG NAM  
 VH - TP

TÀI SẢN	Mã số	30/09/2013	01/01/2013
1. chi phí trả trước dài hạn	261	915.835.150	29.703.361.248
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	5.497.988.259	4.963.871.629
4. Tài sản dài hạn khác	268	1.019.502.000	1.033.702.000
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>735.714.235.703</b>	<b>1.167.944.908.702</b>

#### NGUỒN VỐN

		30/09/2013	01/01/2013
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>	<b>450.549.761.182</b>	<b>889.311.782.940</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>50.549.761.182</b>	<b>89.311.782.940</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-
2. Phải trả người bán	312	3.659.602.249	2.513.450.891
3. Người mua ứng trước	313	78.000.000	93.400.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	7.009.852.867	7.176.994.675
5. Phải trả người lao động	315	1.332.937.972	1.896.901.889
6. Chi phí phải trả	316	2.764.298.523	33.809.954.317
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	29.431.892.857	37.543.304.395
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	6.172.863.400	6.232.400.330
10. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	9.131.500	4.165.000
11. Phải trả tổ chức thanh toán chứng khoán	322	-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	39.511.443	41.211.443
13. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329	51.670.371	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>800.000.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và Nợ dài hạn	334	400.000.000.000	800.000.000.000
- Nợ dài hạn	334A	-	-
<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>285.164.474.521</b>	<b>278.633.125.762</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>285.164.474.521</b>	<b>278.633.125.762</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	335.000.000.000	335.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	2.945.994.322	2.945.994.322
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(52.781.519.801)	(59.312.868.560)
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>	<b>735.714.235.703</b>	<b>1.167.944.908.702</b>

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2013

Người lập



Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phương





Công ty cổ phần chứng khoán Đông Nam Á  
Tầng 2, 14 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội  
Điện thoại: 04.6.2753844 FAX: 04.6.2753816

MAU SỐ: B01-CTCK  
Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC  
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài Chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY**  
**Quý III năm 2013**

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý III năm 2013	Quý III năm 2012	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý III.2013	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý III.2012
<b>1. Doanh thu</b>	<b>1</b>	<b>5,977,775,094</b>	<b>48,702,575,668</b>	<b>44,900,116,322</b>	<b>140,355,360,151</b>
- Doanh thu môi giới chứng khoán	1.1	335,846,907	607,652,785	1,348,167,319	3,163,748,386
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn	1.2	958,765,660	1,476,746,547	1,331,530,138	4,499,294,115
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	1.3	-	-	-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	1.4	-	-	-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.5	58,000,000	-	58,000,000	73,820,382
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.6	88,835,284	118,404,676	275,275,498	118,404,676
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	1.7	-	-	-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	1.8	-	-	-	-
- Doanh thu khác	1.9	4,536,327,243	46,499,771,660	41,887,143,367	132,500,092,592
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>	<b>5,977,775,094</b>	<b>48,702,575,668</b>	<b>44,900,116,322</b>	<b>140,355,360,151</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	8,274,725,443	37,349,191,121	29,001,613,314	109,848,911,025
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2,296,950,349)</b>	<b>11,353,384,547</b>	<b>15,898,503,008</b>	<b>30,506,449,126</b>
6. Chi phí Quản lý doanh nghiệp	25	3,470,607,216	3,811,878,487	9,391,927,484	12,046,360,238
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>(5,767,557,565)</b>	<b>7,541,506,060</b>	<b>6,506,575,524</b>	<b>18,460,088,888</b>
8. Thu nhập khác	31	37,640,000	-	37,640,000	550,000,000
9. Chi phí khác	32	12,866,765	-	12,866,765	302,693,738
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>24,773,235</b>	<b>-</b>	<b>24,773,235</b>	<b>247,306,262</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (40+30)</b>	<b>50</b>	<b>(5,742,784,330)</b>	<b>7,541,506,060</b>	<b>6,531,348,759</b>	<b>18,707,395,150</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52				
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (50- 51 -52)</b>	<b>60</b>	<b>(5,742,784,330)</b>	<b>7,541,506,060</b>	<b>6,531,348,759</b>	<b>18,707,395,150</b>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				

Người lập

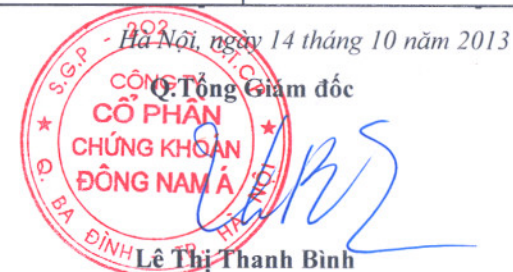


Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phương





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CÔNG TY**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý III năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ đầu năm đến cuối quý III.2013	Từ đầu năm đến cuối quý III.2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD chứng khoán</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		6,531,348,759	18,707,395,150
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1,604,893,226	1,726,585,670
03	- Các khoản dự phòng		(4,326,755,627)	(33,918,078,406)
05	- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư		(1,274,844,814)	(13,011,260,549)
06	- Chi phí lãi vay		22,502,937,157	107,698,787,965
08	<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		25,037,578,701	81,203,429,830
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		416,514,638,006	(117,737,755,588)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán thương mại		123,071,865	43,851,599,466
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(7,468,655,092)	(32,753,738,645)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		28,462,517,974	1,151,135,134
13	- Tiền lãi vay đã trả		(53,594,603,823)	(147,276,565,743)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(200,000,000)	(200,000,000)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		14,200,000	1,005,371,400
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1,700,000)	311,874,455
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh CK</b>		408,887,047,631	-170,444,649,691
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		-	(1,040,787,066)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		2,000,000	550,000,000
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22,380,000,000)	-
24	- Tiền thu hồi từ cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,440,377,679	12,763,954,287
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		(20,937,622,321)	12,273,167,221
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH		-	-
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP đã phát hành		-	-
33	- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	- Tiền chi trả nợ gốc vay		(400,000,000,000)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		(400,000,000,000)	-
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		(12,050,574,690)	(158,171,482,470)
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>		41,774,438,572	185,357,863,969
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>		29,723,863,882	27,186,381,499

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Hoàng Phương

Lê Thị Thanh Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á

Tầng 2 - Số 14 Láng Hạ - Thành Công - Ba Đình - Hà Nội

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý III năm 2013

Nội dung	Thuyết minh	Đầu kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Cuối kỳ	
		Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		335,000,000,000	335,000,000,000	-		-		335,000,000,000	335,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính		2,945,994,322	2,945,994,322					2,945,994,322	2,945,994,322
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-					-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa PP		(47,038,735,471)	(48,579,035,351)	-	7,541,506,060	5,742,784,330	-	(52,781,519,801)	(41,037,529,291)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>290,907,258,851</b>	<b>289,366,958,971</b>	<b>-</b>	<b>7,541,506,060</b>	<b>5,742,784,330</b>	<b>-</b>	<b>285,164,474,521</b>	<b>296,908,465,031</b>

Người lập

Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Phương

Lập, ngày 14 tháng 10 năm 2013

Q. Tổng Giám đốc



Lê Thị Thanh Bình



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Năm 2013

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty CP Chứng khoán Đông Nam Á
- Địa chỉ: Tầng 2 - số 14 Láng Hạ - Phường Thành Công - Quận Ba Đình - TP Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh
  - Môi giới chứng khoán;
  - Tự doanh chứng khoán;
  - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
  - Lưu ký chứng khoán;
  - Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

*Ub*

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	04 - 08	năm
- Phương tiện vận tải	10	năm
- Thiết bị văn phòng	08	năm
- Phần mềm quản lý	08	năm

#### **Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

#### **Chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại (hợp đồng "repo")**

Các giao dịch chứng khoán liên quan đến việc mua/ bán chứng khoán từ/ cho khách hàng và bán lại cho/ mua lại từ chính xác khách hàng đó vào một ngày cụ thể trong tương lai với giá cụ thể được gọi là các hợp đồng repo. Khi có các giao dịch repo, Công ty ghi nhận vào sổ sách một khoản tài sản/ nợ phải trả bằng với giá bán lại/ mua lại vào một ngày cụ thể trong tương lai. Phần chênh lệch giữa giá bán lại/ mua lại và giá mua/ bán sẽ được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả (doanh thu ghi nhận trước)/tài sản (chi phí chờ kết chuyển) và sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một khoản thu nhập/ chi phí theo thời hạn của hợp đồng repo.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

#### **Chi phí đi vay và sử dụng vốn**

Chi phí đi vay và sử dụng vốn được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Ue



### **Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Các khoản thuế**

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng của Công ty	2,803,319,212	6,367,642,379
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	26,802,731,681	35,006,338,361
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	117,812,989	400,457,832
Các khoản tương đương tiền	-	-
	<u><b>29,723,863,882</b></u>	<u><b>41,774,438,572</b></u>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>28,330,939,932</b>	<b>25,840,163,797</b>
- Chứng khoán niêm yết	5,950,939,932	6,073,011,797
- Chứng khoán chưa niêm yết		19,767,152,000
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác	22,380,000,000	-
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>(5,142,943,360)</b>	<b>(5,142,943,360)</b>
- Chứng khoán niêm yết	(5,142,943,360)	(5,142,943,360)
- Chứng khoán chưa niêm yết		
	<u><b>23,187,996,572</b></u>	<u><b>20,697,220,437</b></u>

**5 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng ứng trước tiền bán và tiền mua CK	13,505,038,817	18,431,581,414
Phải thu hoạt động tự doanh chứng khoán	2,970,664,569	2,955,407,569
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	545,000,000,000	960,000,000,000
Phải thu khác về giao dịch chứng khoán	1,644,418,056	2,127,999,999
	<u><b>563,120,121,442</b></u>	<u><b>983,514,988,982</b></u>

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu sửa lỗi giao dịch	1,987,780,268	4,222,377,302
Phải thu khác	6,030,118,930	217,079,100
	<u><b>8,017,899,198</b></u>	<u><b>4,439,456,402</b></u>



**7 . HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	15,008,382	15,008,382
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>15,008,382</u></b>	<b><u>15,008,382</u></b>

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	439,726,910	498,802,692
Phí dịch vụ bảo trì phần mềm giao dịch	722,471,250	481,603,672
Chi phí trả trước khác	143,216,328	-
	<b><u>1,305,414,488</u></b>	<b><u>980,406,364</u></b>

**9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	366,138,225	259,773,365
Đặt cọc khác	12,000,000	12,000,000
	<b><u>378,138,225</u></b>	<b><u>271,773,365</u></b>

*LB*

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu kỳ	-	6,368,008,644	111,871,263	6,479,879,907
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	60,637,500	-	60,637,500
- Thanh lý, nhượng bán	-	60,637,500	-	60,637,500
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	6,307,371,144	111,871,263	6,419,242,407
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu kỳ	-	3,854,980,175	91,419,439	3,946,399,614
Số tăng trong kỳ	-	196,502,870	2,788,884	199,291,754
- Trích khấu hao	-	196,502,870	2,788,884	199,291,754
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	47,770,735	-	47,770,735
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	47,770,735	-	47,770,735
Số dư cuối kỳ	-	4,003,712,310	94,208,323	4,097,920,633
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Đầu kỳ	-	2,513,028,469	20,451,824	2,533,480,293
Cuối kỳ	-	2,303,658,834	17,662,940	2,321,321,774

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	-	9,618,128,747	9,618,128,747
Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	9,618,128,747	9,618,128,747
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	-	2,484,766,971	2,484,766,971
Số tăng trong kỳ	-	300,578,583	300,578,583
- Trích khấu hao	-	300,578,583	300,578,583
Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	2,785,345,554	2,785,345,554
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Đầu kỳ	-	7,133,361,776	7,133,361,776
Cuối kỳ	-	6,832,783,193	6,832,783,193

*UB*



**Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị**

Vốn điều lệ tính đến ngày 30/09/2013	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
335,000,000,000	Nguyên giá	16,037,371,154	0.05
	Khấu hao	6,883,266,187	
	Giá trị còn lại	9,154,104,967	0.03

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Đầu tư chứng khoán dài hạn</b>	<b>96,495,920,638</b>	<b>76,729,768,638</b>
- Cổ phiếu chưa niêm yết	96,495,920,638	76,728,768,638
- Trái phiếu	-	1,000,000
	<b>96,495,920,638</b>	<b>76,729,768,638</b>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	574,365,987	165,443,976
Chi phí cải tạo nội thất	266,222,181	919,126,650
Chi phí thuê văn phòng	-	28,456,007,251
Chi phí trả trước dài hạn khác	75,246,982	162,783,371
	-	-
	<b>915,835,150</b>	<b>29,703,361,248</b>

**14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	375,736,776	375,736,776
Tiền nộp bổ sung	4,062,397,670	4,062,397,670
Tiền lãi phân bổ hàng năm	1,059,853,813	525,737,183
	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>5,497,988,259</b>	<b>4,963,871,629</b>

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3,504,000	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6,906,532,615	7,106,532,615
Thuế Thu nhập cá nhân	99,816,252	70,462,060
Các loại thuế khác	-	-
	<b>7,009,852,867</b>	<b>7,176,994,675</b>

*Handwritten signature*

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi phải trả	2,708,333,333	33,799,999,999
Chi phí phải trả khác	55,965,190	9,954,318
	<u><b>2,764,298,523</b></u>	<u><b>33,809,954,317</b></u>

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	187,969,615	180,255,219
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	6,982,842	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	26,802,731,681	35,006,338,361
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,434,208,719	2,356,710,815
	<u><b>29,431,892,857</b></u>	<u><b>37,543,304,395</b></u>

**18 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải trả trung tâm lưu ký	2,019,229,500	2,094,490,000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	4,153,633,900	4,137,910,330
	<u><b>6,172,863,400</b></u>	<u><b>6,232,400,330</b></u>

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	<u>Quý III năm 2013</u>	<u>Quý III năm 2012</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>5,977,775,094</b>	<b>48,702,575,668</b>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	335,846,907	607,652,785
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	958,765,660	1,476,746,547
- Doanh thu hoạt động tư vấn	58,000,000	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	88,835,284	118,404,676
- Doanh thu khác	4,536,327,243	46,499,771,660
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<u><b>5,977,775,094</b></u>	<u><b>48,702,575,668</b></u>



**20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Quý III năm 2013	Quý III năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	59,384,738	164,431,464
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	3,021,812	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	89,828,238	189,257,795
Chi phí dự phòng phải trả	11,998,037	26,354,582
Chi phí khác	6,224,047,269	34,362,362,241
Chi phí trực tiếp chung	1,886,445,349	2,606,785,039
- Chi phí nhân viên	445,875,260	461,084,060
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	15,967,815	49,557,713
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	129,958,648	157,692,335
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	800,720,081	1,159,009,566
- Chi phí khác bằng tiền	493,923,545	779,441,365
	<b>8,274,725,443</b>	<b>37,349,191,121</b>

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý III năm 2013	Quý III năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1,258,311,446	1,312,693,827
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	52,318,977	81,010,350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	369,911,689	443,214,316
Thuế, phí và lệ phí	108,567,397	284,837,083
Chi phí dự phòng	-	972,202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	434,238,211	326,510,166
Chi phí khác bằng tiền	1,247,259,496	1,362,640,543
	<b>3,470,607,216</b>	<b>3,811,878,487</b>

Người lập



Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phương

Lập, ngày 14 tháng 10 năm 2013

Q. Tổng Giám đốc



Lê Thị Thanh Bình

MÔI

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á**

Số 228 /CV-SeASecurities  
(V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận  
giữa Quý III/2013 và Quý III/2012)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2013

**Kính gửi:**

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Kết quả hoạt động kinh doanh Quý III năm 2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á (SeASecurities).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á xin giải trình nguyên nhân về việc biến động lợi nhuận giữa quý III/2013 so với quý III/2012 như sau:

Quý III năm 2013, nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng chậm, tính thanh khoản của thị trường chứng khoán thấp, do đó hoạt động kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn, các hoạt động môi giới, tự doanh, tư vấn... đều đem lại doanh thu thấp trong khi các chi phí hoạt động của công ty đã cắt giảm tối đa từ các giai đoạn trước.

Mặt khác, lãi suất tiền gửi, tiền vay trên thị trường cũng có sự điều chỉnh giảm làm cho hoạt động đầu tư của Công ty đem lại hiệu quả không cao, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh kỳ này so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình về sự thay đổi lợi nhuận trong quý III/2013 của công ty giảm hơn 10% so với quý III/2012.

***Trân trọng!***

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu KTTC; VT

**QUẢN LÝ GIÁM ĐỐC**  
CỘNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
ĐÔNG NAM Á  
**LÊ THỊ THANH BÌNH**